



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 04

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD			2.0	2.8	2.0	6.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
2	16118025	Nguyễn Châu Chí Cường	DH16CK			2.5	2.6	2.4	7.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK			2.3	3.2	2.6	8.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	19153008	Ngô Trung Dinh	DH19CD			2.2	2.8	2.1	7.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19153013	Nguyễn Võ Anh Duy	DH19CD			2.1	3.2	1.5	6.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
6	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD			2.2	3.6	2.6	8.4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD			2.3	3.6	2.7	8.6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
8	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD			2.0	3.0	2.1	7.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19153020	Nguyễn Ngọc Hiếu	DH19CD			2.1	3.6	2.4	8.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK			1.8	2.6	2.4	6.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
11	19153030	Nguyễn Duy Khang	DH19CD			2.3	3.4	2.6	8.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	19153034	Chu Trương Đăng Khôi	DH19CD						Vắng	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	19153043	Lê Tấn Thương Minh	DH19CD						Vắng	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL			2.3	3.2	2.6	8.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD			1.1	2.2	1.7	5.0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD			2.3	3.4	2.6	8.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 04

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
							%	%	thi	T. kết		
17	18153050	Nguyễn Minh	Nhật	DH18CD			2.1	3.2	2.6	7.9	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
18	19153061	Nguyễn Hồng	Phúc	DH19CD			2.1	3.2	2.3	7.6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
19	19153062	Trần Nguyên Anh	Phuong	DH19CD						Vắng	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	19153063	Lăng Hồng	Quân	DH19CD						Vắng	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	19153064	Lê Hữu	Quý	DH19CD			2.4	2.8	2.1	7.3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
22	19153065	Lê Văn	Quý	DH19CD			2.4	2.8	2.3	7.5	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
23	18153062	Nguyễn Ngọc	Quynh	DH18CD						Vắng	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	19153068	Huỳnh Văn	Tấn	DH19CD			2.5	2.6	2.0	7.1	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	19153073	Nguyễn Tuấn	Thanh	DH19CD			2.1	3.0	2.1	7.2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	19153075	Nguyễn Tấn	Thành	DH19CD			2.2	1.8	1.8	5.8	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
27	18154114	Nguyễn Quốc	Thắng	DH18OT			2.7	3.4	2.6	8.7	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
28	19153077	Nguyễn Gia	Thịnh	DH19CD						Vắng	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	19153078	Nguyễn Hưng	Thịnh	DH19CD			1.8	2.6	2.4	6.8	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
30	19153079	Hoàng	Thông	DH19CD			2.3	3.6	2.7	8.6	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
31	19153080	Kiều	Thuy	DH19CD			2.5	3.4	2.6	8.5	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
32	19153082	Nguyễn Công Quyết	Tiến	DH19CD			2.1	3.0	2.1	7.2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨

Hoc kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

Ngày in : 28/03/2022 10:09

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 05

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
							%	%	thi	T. kết		
1	19153001	Trần Phước	An	DH19CD			2.6	2.8	2.1	7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
2	17118011	Nguyễn Hữu Huy	Bình	DH17CC			2.1	2.8	2.7	7.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
3	19154014	Vũ Thành	Công	DH19OT						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19153003	Vũ Văn	Cương	DH19CD			2.4	2.8	2.3	7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
5	18153011	Võ Thành	Danh	DH18CD			2.5	3.4	2.7	8.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
6	19153011	Huỳnh Cao	Duy	DH19CD			2.5	3.6	2.4	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
7	19153012	Lê Công Tiến	Duy	DH19CD			2.3	3.4	2.4	8.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19153014	Phạm Đình	Duy	DH19CD			2.3	2.6	2.0	6.9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
9	19153015	Phan Nguyễn Minh	Duy	DH19CD			2.5	3.4	2.7	8.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
10	19153007	Trương Quốc	Đạt	DH19CD			2.1	3.4	2.6	8.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19153006	Võ Quan	Đặng	DH19CD			2.4	2.4	2.0	6.8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
12	18118026	Nguyễn Huỳnh	Đức	DH18CK			2.6	3.2	2.6	8.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
13	19137018	Phạm Duy	Hạnh	DH19NL			2.3	3.0	2.1	7.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
14	19137022	Phạm Văn Trí	Hùng	DH19NL						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19153025	Lương Quang	Huy	DH19CD			2.1	2.6	2.1	6.8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
16	19153026	Trần Quốc	Huy	DH19CD			2.1	2.8	2.7	7.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 05

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153029	Hoàng Cao Khải	DH19CD			1.1	1.8	1.2	4.1	○●①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	19153033	Mai Đăng Khoa	DH19CD			2.4	3.0	2.6	8.0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	19153035	Lê Quang Kiên	DH19CD			2.4	3.0	2.4	7.8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
20	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD			2.4	3.0	2.6	8.0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD			1.8	1.6	1.2	4.6	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
22	19153041	Đặng Sơn Minh	DH19CD			2.4	3.2	2.4	8.0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD			1.7	2.6	1.7	6.0	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	19153052	ĐỖ Văn Tinh	DH19CD			2.6	3.0	2.7	8.3	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
25	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD			2.2	2.4	1.8	6.4	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
26	19153057	Nguyễn Duy Phong	DH19CD			2.7	3.6	2.7	9.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	19118178	Phạm Hoàng	DH19CC						Vắng	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD			1.4	2.0	1.8	5.2	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD			1.9	3.0	2.0	6.9	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
30	17118091	Hoàng Kim Sơn	DH17CK						Vắng	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD			2.4	3.0	2.6	8.0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	19153074	Đào Minh Thành	DH19CD			2.2	3.6	2.7	8.5	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 05

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19153071	Nguyễn Cao Thắng	DH19CD			2.4	2.8	2.3	7.5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④●⑥⑦⑧⑨
34	19153081	Bùi Quang Tiến	DH19CD						Vắng	●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	19153088	Nguyễn Công Trường	DH19CD			2.4	3.2	2.1	7.7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥●⑧⑨
36	19153089	Phạm Lê Tấn Trường	DH19CD						Vắng	●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
37	19153090	Mai Lê Tú	DH19CD						Vắng	●①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

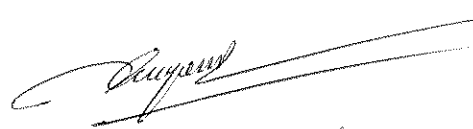
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Lê Quang Vinh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 06

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
							%	%	thi	T. kết		
1	19118010	Lê Thái Thiên	Bảo	DH19CK			1.7	3.0	2.6	7.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	18118028	Triệu Quốc	Dũng	DH18CK			2.4	3.4	2.7	8.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	18118034	Nguyễn Đức	Duy	DH18CK			1.9	2.4	1.8	6.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	19118052	Văn Thành	Duy	DH19CK			2.4	3.0	2.1	7.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19118034	Nguyễn Công	Đạt	DH19CK			2.0	2.8	2.3	7.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	19118037	Phạm Thế	Đạt	DH19CC			1.8	3.4	2.4	7.6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
7	18153017	Nguyễn Bảo	Giang	DH18CD			2.4	3.4	2.7	8.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	19118072	Lăng Ngọc	Hoàng	DH19CK						Vắng	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19118076	Nguyễn Việt	Hoàng	DH19CK			2.2	2.2	1.8	6.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19118087	Đỗ Quốc	Huy	DH19CC			2.3	2.8	2.3	7.4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	19118093	Nguyễn Minh	Huy	DH19CK						Vắng	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	18153029	Trương Vĩnh	Huy	DH18CD			1.5	2.6	1.5	5.6	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
13	18153027	Trần Ngọc	Hùng	DH18CD			2.4	3.2	2.7	8.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh	Khang	DH18CD			1.5	2.2	0.6	4.3	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	18153035	Vũ Chúc	Khiêm	DH18CD			1.7	3.2	2.4	7.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19118123	Nguyễn Như	Linh	DH19CK			2.2	2.4	2.0	6.6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 06

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
							%	%	thi	T. kết		
17	18118071	Huỳnh Quốc	Long	DH18CK			2.8	2.8	2.4	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	18118068	Lê Quang	Lộc	DH18CK			2.5	3.2	2.4	8.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
19	19118127	Nguyễn Bình	Lộc	DH19CK			2.5	2.6	2.1	7.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
20	19118128	Trần Thanh	Lộc	DH19CK			2.4	2.6	2.1	7.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
21	19118129	Nguyễn Bá	Lợi	DH19CK			2.3	2.8	2.1	7.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
22	19118137	Bùi Duy	Lũy	DH19CK			0.9	1.6	1.7	4.2	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
23	19118144	Lê Trần Nhật	Minh	DH19CK			2.3	2.4	1.8	6.5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
24	19118147	Hoàng Phương	Nam	DH19CK			2.2	2.8	2.4	7.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
25	18118098	Nguyễn Trung	Nhân	DH18CK			2.3	2.6	2.0	6.9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
26	19118167	Phạm Thế	Nhật	DH19CK			2.4	3.6	2.6	8.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
27	18154092	Chau Sô	Phát	DH18OT						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	18118104	Nguyễn Thanh	Phi	DH18CK			1.6	2.6	2.3	6.5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
29	19118183	Phạm Công	Phương	DH19CK			2.3	2.8	2.3	7.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
30	19118184	Phạm Minh	Phương	DH19CK			2.2	2.8	2.3	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
31	19118189	Lê Vinh	Quang	DH19CK			0.8	1.8	1.5	4.1	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
32	19118198	Nguyễn Trường	Son	DH19CK						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 06

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18154121	Giang Đại Thuận	DH18OT			2.1	2.4	2.1	6.6	001234578910	012345789
34	17118113	Huỳnh Hữu Thúc	DH17CC						Vắng	0012345678910	0123456789
35	19118251	Trần Thị Thiên Trang	DH19CC			2.6	3.6	2.7	8.9	001234567910	012345678
36	19118250	Huỳnh Trần Bảo Trân	DH19CC			2.6	3.0	2.7	8.3	001234567910	012456789
37	19118269	Trần Nguyễn Đức Tuấn	DH19CC						Vắng	0012345678910	0123456789
38	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD						Vắng	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Lê Quang Vinh



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 07

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118006	Nguyễn Thành Băng	DH19CK			2.4	3.4	2.0	7.8	00123456●8910	01234567●9
2	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK			2.3	3.4	2.1	7.8	00123456●8910	01234567●9
3	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK			2.3	3.4	2.7	8.4	001234567●910	0123●56789
4	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT			2.3	2.6	2.1	7.0	00123456●8910	●123456789
5	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK			1.9	3.2	2.6	7.7	00123456●8910	0123456●89
6	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK			2.1	3.2	2.0	7.3	00123456●8910	012●456789
7	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK			2.5	3.4	2.7	8.6	001234567●910	012345●789
8	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK			2.3	2.8	2.3	7.4	00123456●8910	0123●56789
9	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK			2.5	3.4	2.6	8.5	001234567●910	01234●6789
10	19118029	Nguyễn Hữu Đang	DH19CK			1.8	3.4	2.4	7.6	00123456●8910	012345●789
11	19118040	Lê Văn Đô	DH19CK			2.3	2.8	2.1	7.2	00123456●8910	01●3456789
12	19118041	K'	DH19CC						Vắng	●012345678910	0123456789
13	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK			1.8	2.2	2.1	6.1	0012345●78910	0●23456789
14	19118088	Hà Quang Huy	DH19CK			1.3	1.8	1.7	4.8	00123●5678910	01234567●9
15	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK			2.1	2.8	2.4	7.3	00123456●8910	012●456789
16	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			1.8	2.6	1.7	6.1	0012345●78910	0●23456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 07

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
						%	%	thi	T. kết		
17	19118111	Đặng Hoàng Kiệt	DH19CK			2.0	2.8	2.3	7.1	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	19118112	Ngô Tấn Kiệt	DH19CK			2.7	3.6	2.7	9.0	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
19	19118113	Nguyễn Duy Kiệt	DH19CK			1.8	2.6	2.4	6.8	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
20	19118118	Nguyễn Tùng Lâm	DH19CK			1.7	2.8	2.6	7.1	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	19118149	Lâm Nhật Nam	DH19CK			2.0	3.4	2.6	8.0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	19118151	Trần Duy Nhật	DH19CK			1.7	2.0	1.8	5.5	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
23	19118168	Thân Văn Nhó	DH19CK						Vắng	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	19118171	Trần Trường Phát	DH19CK						Vắng	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK						Vắng	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK			2.5	3.8	2.6	8.9	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
27	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			1.8	2.4	2.0	6.2	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			1.4	2.2	1.7	5.3	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
29	19118212	Trần Quốc Thắng	DH19CK						Vắng	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK						Vắng	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	19118232	Ngô Kế Minh Thuận	DH19CK			1.4	1.8	2.1	5.3	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
32	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK			1.8	2.8	2.6	7.2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 07

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118242	Phan Đặng Hoài Tinh	DH19CK			2.1	3.0	2.1	7.2	00123456●8910	01●3456789
34	19118257	Trương Minh Trung	DH19CK			2.0	3.4	2.6	8.0	001234567●910	●123456789
35	19118259	Nguyễn Đức Trường	DH19CK			2.3	3.4	2.6	8.3	001234567●910	012●456789
36	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK			2.1	2.6	2.4	7.1	00123456●8910	0●23456789
37	19118271	Phạm Bá Trường	DH19CK			2.4	2.8	2.3	7.5	00123456●8910	01234●6789
38	19118274	Tăng Quốc Việt	DH19CK			2.4	3.2	2.3	7.9	00123456●8910	012345678●
39	19118276	Phạm Thái Bảo Vinh	DH19CK			1.7	2.4	2.0	6.1	0012345●78910	0●23456789
40	19118282	Nguyễn Quốc Vương	DH19CK			2.3	3.0	2.4	7.7	00123456●8910	0123456●89

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyên

Lê Quang Vinh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 09

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
							%	%	thi	T. kết		
1	19137002	Châu Thanh Hoàng	Anh	DH19NL			1.5	2.6	2.0	6.1	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	19137006	Lê Ngô	Chí	DH19NL			2.3	3.0	2.4	7.7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
3	19137007	Nguyễn Vương	Chiến	DH19NL			2.0	2.8	2.3	7.1	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	19137009	Huỳnh Tấn	Cường	DH19NL			2.0	2.8	2.1	6.9	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
5	19137011	Nguyễn Long	Cường	DH19NL			2.1	2.6	2.0	6.7	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
6	19137012	Nguyễn Văn	Đàm	DH19NL			2.0	3.0	2.1	7.1	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	19137013	Hồ Dương Tuấn	Đạt	DH19NL			1.6	2.6	2.3	6.5	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
8	19153017	Nguyễn Thanh	Hải	DH19CD			1.8	2.6	1.7	6.1	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	19137020	Nguyễn Trung	Hậu	DH19NL			2.5	3.2	2.7	8.4	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
10	19137021	Phạm Công	Hoàng	DH19NL			1.4	1.4	1.4	4.2	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	19137025	Nguyễn Minh	Huy	DH19NL						Vắng	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	19137027	Nguyễn Trần Gia	Huy	DH19NL			2.0	3.0	2.4	7.4	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
13	19137028	Sầm Khắc	Huy	DH19NL			2.4	3.6	2.6	8.6	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
14	19137029	Trần Văn	Huy	DH19NL			1.9	2.0	2.0	5.9	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
15	19137024	Bùi Ngô Gia	Hữu	DH19NL			2.3	2.8	2.0	7.1	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	19137031	Đặng Hoàng	Khang	DH19NL			2.0	2.2	2.1	6.3	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 09

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL			1.6	2.8	2.6	7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	19137038	Phạm Đình Khôi	DH19NL			2.5	3.6	2.6	8.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
19	19137042	Bùi Thị Yến	DH19NL			2.3	3.4	2.1	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
20	19137044	Nguyễn Hoàng Ngoan	DH19NL			2.4	2.8	2.3	7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
21	19137046	Nguyễn Phúc Nguyên	DH19NL			2.3	2.4	1.5	6.2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
22	19137048	Hoàng Công Nhật	DH19NL			2.2	3.2	2.3	7.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
23	19137052	Hoàng Ngọc Nhật Quang	DH19NL			2.1	2.8	2.3	7.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
24	19137054	Huỳnh Thị Ngọc Quý	DH19NL			2.6	3.4	2.7	8.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
25	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL			2.3	3.4	2.1	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
26	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL			2.5	2.6	1.7	6.8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
28	19137059	Hồ Anh Tài	DH19NL			2.2	3.0	2.1	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
29	19137061	Lương Ngọc Tân	DH19NL			2.2	3.6	2.6	8.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
30	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL			2.2	2.4	1.4	6.0	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL			2.6	3.8	2.7	9.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 09

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137069	Nguyễn Công Thành	DH19NL			2.7	3.8	2.7	9.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
34	19137070	Nguyễn Quốc Thành	DH19NL						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL			1.7	3.0	1.5	6.2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
36	19137079	Huỳnh Quốc Tuấn	DH19NL			2.6	3.8	3.0	9.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
37	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL			2.5	3.4	2.6	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

revel

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Raymond

Lê Quang Vinh



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 10

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153002	Trương Quốc Anh	DH18CD						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT			1.7	1.6	1.2	4.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
4	18153006	Trần Hữu Chí	DH18CD			2.6	3.4	2.6	8.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
5	18153007	Trần Minh Chiến	DH18CD			2.6	3.8	2.7	9.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18118010	Nguyễn Hoàng Chính	DH18CK			2.1	2.6	2.1	6.8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
7	18118011	Nguyễn Trung Chính	DH18CK			2.2	3.4	2.7	8.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
8	18153009	Ngô Mạnh Cường	DH18CD			2.5	2.8	2.0	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
9	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC			2.2	2.4	1.8	6.4	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
10	19154032	Võ Trung Dương	DH19OT			2.2	3.6	2.1	7.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
11	18154017	Nguyễn Tấn Đại	DH18OT			2.7	3.6	2.6	8.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
12	18153010	Đặng Hải Đăng	DH18CD			2.4	3.4	2.1	7.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
13	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD			2.4	3.0	2.4	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
14	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT			2.0	3.2	2.6	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
15	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD			2.4	3.4	1.7	7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
16	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD			2.6	3.0	2.3	7.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 10

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
							%	%	thi	T. kết		
17	18153042	Lưu Hoàng	Long	DH18CD			2.4	2.6	1.8	6.8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
18	19154090	Trịnh Đình Vũ	Long	DH19OT						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	19137041	Nguyễn Phúc	Lộc	DH19NL			1.5	2.6	2.0	6.1	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
20	18118082	Nguyễn Đình	Minh	DH18CK			1.6	2.8	2.1	6.5	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
21	18118084	Vũ Quang	Minh	DH18CK						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	18153048	Nguyễn Đại	Nghĩa	DH18CD			1.9	3.2	2.4	7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
23	19137049	Đỗ Minh	Phát	DH19NL			2.6	3.2	2.4	8.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
24	18153054	Nguyễn Tấn	Phúc	DH18CD			2.4	3.0	2.7	8.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
25	17118085	Nguyễn Đình	Phương	DH17CK			2.2	2.8	2.3	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
26	18153056	Nguyễn Đăng	Quang	DH18CD			2.3	3.2	2.6	8.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
27	19137058	Cao Tấn	Tài	DH19NL						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	18153064	Đoàn Văn	Tân	DH18CD			2.2	2.6	2.4	7.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
29	18153067	Trần Hải	Thành	DH18CD			2.6	3.4	2.7	8.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
30	18153066	Nguyễn Minh Đức	Thắng	DH18CD			2.6	3.0	2.7	8.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
31	19137065	Phạm Phước	Thắng	DH19NL						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	18153069	Bùi Xuân	Thiện	DH18CD			2.5	3.2	2.7	8.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 10

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
33	19137075	Lê Thanh Toàn	DH19NL						Vàng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	18154131	Nguyễn Tài Tuệ	DH18OT			2.3	2.4	2.1	6.8	0 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Lê Quang Vinh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 11

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC			2.0	2.6	1.5	6.1	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
2	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT			2.6	3.6	2.7	8.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
3	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT			2.3	3.6	2.6	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
4	19154041	Đào Đức Hiền	DH19OT			1.7	2.4	1.8	5.9	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
5	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT			1.4	3.4	2.6	7.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
6	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT			1.4	2.6	1.8	5.8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
7	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19154059	Nguyễn Ngô Nhật Huy	DH19OT			2.3	3.0	2.4	7.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
9	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT			2.2	3.0	2.1	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
10	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT			2.0	2.0	1.8	5.8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
11	19154072	Hồ Trường Quốc Khánh	DH19OT						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT			2.8	3.6	2.7	9.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT			2.6	2.8	1.7	7.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19154079	Hồ Tuấn Kiệt	DH19OT			1.9	2.4	2.6	6.9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
16	19154081	Trương Bảo Lam	DH19OT						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 11

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
							%	%	thi	T. kết		
17	19154083	Nguyễn Bảo	Lâm	DH19OT			1.6	2.2	1.8	5.6	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
18	19118121	Nguyễn Cảnh	Liên	DH19CK			2.3	3.6	2.7	8.6	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
19	19154093	Nguyễn Lê Anh	Minh	DH19OT			2.3	3.0	2.4	7.7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
20	19154119	Phạm Gia	Phúc	DH19OT			2.7	3.4	2.3	8.4	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
21	19154123	Phạm Minh	Phương	DH19OT			2.3	2.8	2.1	7.2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	19154127	Nguyễn Văn	Quý	DH19OT			2.4	3.4	2.4	8.2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	19137055	Nguyễn Thị Yến	Quyên	DH19NL			2.1	3.6	2.7	8.4	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
24	19154129	Phạm Ngọc	Sang	DH19OT			2.4	3.2	2.1	7.7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
25	19154134	Nguyễn Văn	Tài	DH19OT			2.1	3.0	2.1	7.2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	19153070	Trương Văn	Thái	DH19CD			1.7	2.4	1.8	5.9	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
27	19154142	Nguyễn Bảo	Thanh	DH19OT			2.1	3.0	2.0	7.1	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	19154143	Chu Chí	Thành	DH19OT			2.3	3.2	2.6	8.1	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	19154146	Lê Thiện	Thành	DH19OT			2.2	3.4	2.4	8.0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	19154147	Lê Văn	Thành	DH19OT			2.6	3.0	2.6	8.2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
31	19154148	Lương Tất	Thành	DH19OT			2.4	3.6	2.0	8.0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
32	19154154	Lê Danh	Thị	DH19OT						Vắng	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 11

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT			2.0	2.6	2.1	6.7	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
34	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT			2.1	2.6	2.3	7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT			2.2	2.8	1.7	6.7	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
36	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT			2.3	3.6	2.6	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
37	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT			1.5	2.6	1.2	5.3	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Lê Quang Vinh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 12

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1	Đ2	Điểm	Điểm	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
							%	%	thi	T. kết		
1	19154002	Trương Hoàng	Anh	DH19OT			2.5	3.2	1.8	7.5	○●①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
2	19154015	Huỳnh Mạnh	Cường	DH19OT			2.4	2.6	2.0	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	19154023	Nguyễn Tấn	Dầu	DH19OT			2.4	3.6	2.4	8.4	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
4	19154017	Võ Quốc	Đại	DH19OT			2.3	3.2	2.1	7.6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
5	19154024	Võ Văn	Đô	DH19OT			2.6	3.6	2.6	8.8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
6	19154061	Trần Quang	Huy	DH19OT			2.2	3.4	2.6	8.2	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	19154070	Phan Văn	Khang	DH19OT			1.5	2.6	2.0	6.1	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	19154082	Đặng Quang	Lâm	DH19OT			1.6	1.8	1.2	4.6	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
9	19154088	Phạm Đức	Lộc	DH19OT			2.5	3.4	2.7	8.6	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
10	19154092	Trần Đức	Mạnh	DH19OT			2.3	2.8	2.4	7.5	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
11	19154095	Nguyễn Xuân	Minh	DH19OT			1.5	2.4	1.8	5.7	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
12	19154096	Nguyễn Hà Phương	Nam	DH19OT						Vắng	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	18154070	Nguyễn Hoàng	Nam	DH18OT			1.8	2.4	0.8	5.0	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	19154107	Đinh Minh	Nhật	DH19OT			2.1	2.4	2.4	6.9	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
15	19154104	Trần Thanh	Nguyễn	DH19OT			1.7	2.6	2.0	6.3	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②②●④⑤⑥⑦⑧⑨
16	19154120	Lục Lưu	Phước	DH19OT			2.3	2.8	2.1	7.2	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 12

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT			1.9	2.6	1.1	5.6	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
18	19154130	Trần Huỳnh Ngọc Sang	DH19OT			2.0	2.6	2.1	6.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
19	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT			2.4	2.4	2.3	7.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	19154145	Hồ Phan Long Thành	DH19OT			2.1	2.6	2.0	6.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
21	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT			2.5	3.2	2.3	8.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT			2.3	3.4	2.4	8.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT			2.5	3.6	2.0	8.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT			1.8	3.0	2.4	7.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT			2.6	3.4	2.1	8.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	19154170	Hoàng Ngọc Tĩnh	DH19OT			1.8	3.2	2.1	7.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
27	19154900	Nguyễn Huy Toàn	DH19OT			2.2	2.8	2.0	7.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	19154172	Nguyễn Tiến Triều	DH19OT			2.5	3.6	2.1	8.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
29	19154173	Trần Hải Triều	DH19OT			2.4	3.4	2.0	7.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
30	19154174	Nguyễn Văn Triệu	DH19OT			2.4	3.4	2.3	8.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
31	19154176	Nguyễn Lập Trường	DH19OT			1.8	1.6	1.1	4.5	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
32	19154177	Nguyễn Nguyên Trường	DH19OT			1.7	2.6	2.1	6.4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02845

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 12

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	19154182	Đoàn Phạm Thanh Tùng	DH19OT			2.1	2.4	1.7	6.2	● 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
35	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT			2.2	2.6	2.1	6.9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
36	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT			2.4	2.8	2.1	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
37	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT			2.4	3.2	2.6	8.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
38	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT			1.7	2.8	1.8	6.3	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
39	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT			2.3	3.2	2.3	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
40	19154197	Trần Thế Vỹ	DH19OT			2.4	3.0	2.0	7.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyển

Lê Quang Vinh

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 13

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			2.4	3.6	2.1	8.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	19154019	Hồ Lê Tuấn	DH19OT			1.8	1.6	0.6	4.0	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	18154027	Đinh Quốc	DH18OT			2.1	2.2	1.7	6.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	18118021	Nguyễn Tiến	DH18CC			1.8	3.2	2.1	7.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	19154026	Ngô Huỳnh	DH19OT			2.6	2.8	2.1	7.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	19154028	Nguyễn Văn	DH19OT			1.2	1.2	0.6	3.0	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	19154048	Trần	DH19OT			2.4	3.4	2.6	8.4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	19154055	Bùi Phước	DH19OT			2.5	3.6	2.4	8.5	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	19154056	Nguyễn Hải	DH19OT			2.5	2.8	2.0	7.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	19154069	Phạm Đỗ Bảo	DH19OT						Vắng	● ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	18118077	Thết Chủ	DH18CC			1.9	2.0	1.7	5.6	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
12	19154087	Nguyễn Minh	DH19OT			2.4	2.2	2.0	6.6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
13	19154089	Trần Đức	DH19OT			2.3	2.2	1.7	6.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
14	19118133	Trần Hữu Khánh	DH19CC			2.3	2.0	1.8	6.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	18118081	Tạ Văn	DH18CK			2.1	2.0	0.3	4.4	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	19118148	Huỳnh Hoài	DH19CK			1.7	2.0	0.3	4.0	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02846

Trang 2/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 13

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154097	Nguyễn Hoàng Nam	DH19OT			2.1	2.4	1.7	6.2	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
18	19154099	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH19OT			2.5	3.4	2.0	7.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
19	19154100	Trần Hoàng Nghiêm	DH19OT			2.2	2.8	2.7	7.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
20	19154101	Dương Trọng Ngôn	DH19OT			2.4	2.8	2.6	7.8	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
21	19154102	Nguyễn Cao Nguyên	DH19OT						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT			1.4	2.6	2.4	6.4	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
23	19154106	Dương Hoài Nhân	DH19OT			1.6	2.4	2.1	6.1	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
24	19154109	Dương Hoài Nhị	DH19OT			2.0	3.2	2.3	7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
25	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT			2.4	3.6	2.6	8.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
26	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT			2.1	3.6	2.6	8.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
27	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT			2.4	3.4	2.4	8.2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
28	19154128	Nguyễn Đình Quyết	DH19OT			2.2	3.4	2.3	7.9	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
29	19154131	Lê Hoàng Sơn	DH19OT			2.4	2.6	2.1	7.1	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
30	19154136	Phạm Văn Tân	DH19OT						Vắng	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC			2.1	2.8	1.8	6.7	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
32	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT			2.5	3.0	2.1	7.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 13

CBGD: Lê Quang Vinh (1044)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT			1.8	3.6	2.6	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	19154151	Trần Trí	DH19OT			2.2	3.2	2.1	7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
35	18118137	Nguyễn Hoàng	DH18CC			2.5	3.0	2.0	7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
36	18118144	Trần Phước	DH18CK			2.3	2.8	2.4	7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
37	19154165	Lê Việt	DH19OT			2.0	2.8	2.0	6.8	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
38	19154184	Nguyễn Thanh	DH19OT			2.3	3.6	2.1	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	19154189	Nguyễn Nho	DH19OT			2.3	3.0	2.0	7.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Lê Quang Vinh



Mã nhận dạng 03491

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ học lý thuyết(207133)

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi DH21CKC_01

Tổ Thi 001_DH21CKC_01

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	21118166	Nguyễn Lộc An	DH21CKC			1,5	1,0	0,0	2,5	0012345678910	0123456789
2	21118175	Nguyễn Hoài Bảo	DH21CKC			1,5	1,25	0,25	3,5	0012345678910	0123456789
3	21118178	Phạm Lê Nguyên Bảo	DH21CKC			2,0	0,8	0,0	2,8	0012345678910	0123456789
4	21118020	Hồ Gia Chính	DH21CKC							0012345678910	0123456789
5	21118187	Nguyễn Chí Cường	DH21CKC			1,25	1,25	0,5	3,0	0012345678910	0123456789
6	21118191	Phạm Hùng Cường	DH21CKC			0,5	1,0	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
7	21118197	Trần Công Danh	DH21CKC			2,0	1,0	0,0	3,0	0012345678910	0123456789
8	21118213	Đỗ Quang Duy	DH21CKC			1,75	1,0	0,25	3,0	0012345678910	0123456789
9	21118202	Nguyễn Văn Đạt	DH21CKC			2,0	1,25	0,75	4,0	0012345678910	0123456789
10	21118205	Lê Trọng Đức	DH21CKC			2,0	0,75	0,25	3,0	0012345678910	0123456789
11	21118231	Lê Quốc Hiền	DH21CKC			1,75	1,25	2,0	5,5	0012345678910	0123456789
12	21118234	Phạm Gia Hiếu	DH21CKC			2,0	1,0	0,0	3,0	0012345678910	0123456789
13	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC			1,0	1,5	1,5	4,0	0012345678910	0123456789
14	21118239	Trần Văn Hoài	DH21CKC			1,75	1,25	0,0	3,0	0012345678910	0123456789
15	17118161	Lê Minh Hoàng	DH17CKC			2,0	1,75	2,25	6,0	0012345678910	0123456789
16	17118165	Nguyễn Minh Huy	DH17CKC			2,0	1,8	2,0	5,8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03491

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ học lý thuyết(207133)

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi DH21CKC_01

Tổ Thi 001_DH21CKC_01

Tên CBGD Vương Thành Tiên

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	21118258	Nguyễn Ngọc Huy	DH21CKC			2,0	0,75	1,25	4,0	0012345678910	0123456789
18	21118260	Nguyễn Vinh Huy	DH21CKC							0012345678910	0123456789
19	21118261	Phạm Ngọc Huy	DH21CKC			1,8	1,0	0,0	2,8	0012345678910	0123456789
20	21118266	Châu Vũ Gia Khang	DH21CKC							0012345678910	0123456789
21	21118269	Nguyễn Quang Khang	DH21CKC			1,0	0,5	0,0	1,5	0012345678910	0123456789
22	21118277	Nguyễn Hoàng Khôi	DH21CKC			1,5	1,0	0,3	2,8	0012345678910	0123456789
23	21118284	Phan Tấn Tuấn Kiệt	DH21CKC			2,0	1,0	0,0	3,0	0012345678910	0123456789
24	21118286	Cao Kỳ	DH21CKC			2,0	1,5	0,5	4,0	0012345678910	0123456789
25	21118299	Phạm Minh Long	DH21CKC							0012345678910	0123456789
26	17115069	Đặng Xuân Minh	DH17CKC			2,0	1,5	2,0	5,5	0012345678910	0123456789
27	21118307	Nguyễn Hoàng Minh	DH21CKC							0012345678910	0123456789
28	21118310	Nguyễn Vũ Hoàng Minh	DH21CKC			(Chấm thi)				0012345678910	0123456789
29	21118321	Phạm Phước Nguyên	DH21CKC			2,0	1,5	0,5	4,0	0012345678910	0123456789
30	21118323	Dương Thành Nhân	DH21CKC			2,0	0,8	0,0	2,8	0012345678910	0123456789
31	21118334	Huỳnh Nhật Phi	DH21CKC							0012345678910	0123456789
32	21118341	Nguyễn Thiện Phúc	DH21CKC			(Chấm thi)				0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03491

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ học lý thuyết(207133)

Số Tín Ch 4

Nhóm Thi DH21CKC_01

Tổ Thi

001_DH21CKC_01

Tên CBGD

Vương Thành Tiên

Ngày Thi 05/07/2022

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	21118349	Trần Minh Quang	DH21CKC			1,5	0,0	0,0	1,5	00002345678910	0123456789
34	21118357	Nguyễn Đình Quý	DH21CKC							000012345678910	0123456789
35	21118366	Trần Giang Sơn	DH21CKC			2,0	1,0	0,0	3,0	000012345678910	0123456789
36	21118370	Trần Lê Thế Tân	DH21CKC			1,5	1,5	1,0	4,0	000012345678910	0123456789
37	21118380	Huỳnh Gia Thịnh	DH21CKC			2,0	1,0	0,0	3,0	000012345678910	0123456789
38	21118395	Phan Bùi Minh Trí	DH21CKC			2,0	1,0	0,0	3,0	000012345678910	0123456789
39	21118401	Nguyễn Thành Trung	DH21CKC			2,0	0,8	0,0	2,8	000012345678910	0123456789
40	21118403	Bùi Xuân Trường	DH21CKC			1,5	1,0	0,0	2,5	000012345678910	0123456789
41	21118410	Nguyễn Anh Tuấn	DH21CKC			2,0	0,5	0,0	2,5	000012345678910	0123456789
42	21118418	Trần Huỳnh Thanh Tuyển	DH21CKC			1,0	1,0	0,0	2,0	000012345678910	0123456789
43	21118427	Huỳnh Anh Vũ	DH21CKC							000012345678910	0123456789
44	21118428	Nguyễn Trần Vũ	DH21CKC							000012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03491

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Cơ học lý thuyết(207133) Số Tín Ch 4
Nhóm Thi DH21CKC_01 Tổ Thi 001_DH21CKC_01 Tên CBGD Vương Thành Tiên
Ngày Thi 05/07/2022 Giờ Thi 14:45 Phòng Thi CT101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 24 Số sinh viên vắng 10.

Ngày 14 Tháng 07 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1 Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Trọng Nghĩa

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Máy nâng chuyên(207217)**

Nhóm Thi **DH18CC_01**

Tổ Thi **001_DH18CC_01**

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **14:45**

Số Tín Ch **2**

Tên CBGD **Trần Văn Tuấn**

Phòng Thi **CT101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC	<i>Anh</i>		1,0	1,0	5,6	7,6	0012345678910	0123456789
2	18118029	Trần Vĩnh Dũng	DH18CC	<i>Dũng</i>		1,0	1,0	6,0	8,0	0012345678910	0123456789
3	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC	<i>Duy</i>		1,0	1,1	5,6	7,7	0012345678910	0123456789
4	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC	<i>Duy</i>		1,0	1,0	6,0	8,0	0012345678910	0123456789
5	19138016	Nguyễn Thị Thuý Duyên	DH19TD	<i>Duyên</i>		1,0	1,2	4,9	7,1	0012345678910	0123456789
6	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD	<i>Dương</i>		1,0	1,4	6,7	9,1	0012345678910	0123456789
7	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC	<i>Dat</i>		1,0	1,0	6,0	8,0	0012345678910	0123456789
8	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC		✓					0012345678910	0123456789
9	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC	<i>Hiệp</i>		1,0	1,2	6,0	8,2	0012345678910	0123456789
10	19138022	Nguyễn Minh Hoàng	DH19TD	<i>Hoàng</i>		1,0	0,8	3,9	5,8	0012345678910	0123456789
11	19138025	Hoàng Phi Hùng	DH19TD	<i>Hùng</i>		1,0	1,0	4,6	6,6	0012345678910	0123456789
12	19138028	Nguyễn Văn Huy	DH19TD	<i>Huy</i>		1,0	0,8	5,6	7,4	0012345678910	0123456789
13	19138032	Nguyễn Đình Khang	DH19TD	<i>Khang</i>		1,0	1,0	3,9	5,9	0012345678910	0123456789
14	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC	<i>Khiêm</i>		1,0	1,2	3,5	5,7	0012345678910	0123456789
15	19118143	Lê Công Minh	DH19CK	<i>Minh</i>		1,0	1,0	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
16	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC	<i>Nghĩa</i>		1,0	0,8	6,0	7,8	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03525

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy nâng chuyển(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 07/07/2022

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi CT101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC			1,0	1,0	6,0	8,0	0012345678910	0123456789
18	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC			1,0	1,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
19	19118167	Phạm Thế Nhật	DH19CK			1,0	1,2	6,0	8,2	0012345678910	0123456789
20	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC			1,0	1,2	5,2	7,5	0012345678910	0123456789
21	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			1,0	1,2	2,8	5,0	0012345678910	0123456789
22	19138070	Nguyễn Chí Tâm	DH19TD			1,0	1,0	4,9	6,9	0012345678910	0123456789
23	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC			1,0	1,1	3,1	6,0	0012345678910	0123456789
24	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC			1,0	1,0	6,3	8,3	0012345678910	0123456789
25	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			1,0	1,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
26	18118133	Lê Nguyễn Tuấn Thành	DH18CC			1,0	1,2	4,2	5,4	0012345678910	0123456789
27	18118137	Nguyễn Hoàng Thế	DH18CC			1,0	1,0	5,1	7,3	0012345678910	0123456789
28	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK			1,0	1,2	3,9	6,1	0012345678910	0123456789
29	18118139	Nguyễn Chí Thiện	DH18CC			1,0	1,2	3,5	5,7	0012345678910	0123456789
30	15137056	Huỳnh Phúc Thịnh	DH15NL		✓					0012345678910	0123456789
31	18118222	Châu Ngọc Ti	DH18CC		✓					0012345678910	0123456789
32	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC			1,0	1,0	4,9	6,9	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03525

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 07/07/2022

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118155	Nguyễn Phát	Tín	DH18CC		1,0	1,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
34	18118164	Lê Minh	Trung	DH18CC		1,0	1,2	3,2	5,4	0012345678910	0123456789
35	19138087	Nguyễn Trọng	Trung	DH19TD		1,0	1,0	6,2	8,2	0012345678910	0123456789
36	18118178	Nguyễn Thanh	Tùng	DH18CC		1,0	1,2	3,5	5,8	0012345678910	0123456789
37	18118185	Trần Phúc	Vinh	DH18CC		1,0	1,4	5,6	8,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 34. Số sinh viên vắng3.

Ngày 14 Tháng 8 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trần Văn Tuấn

Phan Trọng Nghĩa

TS. Nguyễn Đức Khuyển

Trần Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **Máy nâng chuyển(207217)**

Nhóm Thi **DH18CKC_01**

Tổ Thi **001_DH18CKC_02**

Ngày Thi **07/07/2022**

Giờ Thi **14:45**

Số Tín Ch **2**

Tên CBGD **Trần Văn Tuấn**

Phòng Thi **HD203**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi 70	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118192	Lê Tiến Đạt	DH18CKC			1,0	1,5	3,3	6,4	0012345678910	0123456789
2	18118195	Trần Nguyễn Trí Đức	DH18CKC			1,0	1,4	3,2	5,6	0012345678910	0123456789
3	18118200	Nguyễn Thị Thu Hiền	DH18CKC			1,0	1,4	6,7	9,1	0012345678910	0123456789
4	18118202	Trần Văn Hoài	DH18CKC			1,0	1,6	3,2	5,8	0012345678910	0123456789
5	18118204	Phạm Đăng Huy	DH18CKC			1,0	1,4	3,4	6,3	0012345678910	0123456789
6	18118207	Trịnh Ngọc Lâm	DH18CKC			1,0	1,7	3,5	6,2	0012345678910	0123456789
7	18118208	Nguyễn Bá Long	DH18CKC			1,0	1,6	4,9	7,5	0012345678910	0123456789
8	18118209	Phạm Bùi Hải Long	DH18CKC			1,0	1,6	3,5	6,1	0012345678910	0123456789
9	18118210	Phạm Trung Long	DH18CKC			1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
10	18118212	Nguyễn Xuân Nguyên	DH18CKC			1,0	1,4	6,3	8,7	0012345678910	0123456789
11	18118108	Nguyễn Huy Phúc	DH18CKC			1,0	1,6	5,6	8,2	0012345678910	0123456789
12	18118214	Nguyễn Hoài Sang	DH18CKC			1,0	1,7	6,7	9,4	0012345678910	0123456789
13	18118215	Hoàng Thái Sơn	DH18CKC			1,0	1,6	3,5	6,1	0012345678910	0123456789
14	18118217	Nguyễn Trung Tín	DH18CKC			1,0	1,6	3,5	6,1	0012345678910	0123456789
15	18118219	Nguyễn Đặng Quỳnh Trâm	DH18CKC			1,0	1,4	4,2	6,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03526

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi Máy nâng chuyên(207217)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH18CKC_01

Tổ Thi 001_DH18CKC_02

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 07/07/2022

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 15. Số sinh viên vắng 0.

Ngày 14 Tháng 08 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Nhật Long


Trần Văn Tuấn


TS. Nguyễn Đức Khuyến


Trần Văn Tuấn

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi **PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH19CC_01**

Tổ Thi **001_DH19CC_01**

Tên CBGD **Trần Văn Tuấn**

Ngày Thi **08/07/2022**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD203**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 b %	Đ2 20%	Điểm thi 7	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118003	Nguyễn Văn Anh	DH19CC	Anh		1,0	1,8	4,2	6,9	0012345678910	0123456789
2	19118001	Dương Nguyễn Hoàng Ân	DH19CC	An		1,0	1,2	4,9	7,1	0012345678910	0123456789
3	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC	Ban		1,0	1,2	3,5	5,7	0012345678910	0123456789
4	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC	Bao		1,0	1,2	5,6	8,3	0012345678910	0123456789
5	19118012	Nguyễn Ngọc Quốc Bảo	DH19CC	Bao		1,0	1,2	2,1	4,8	0012345678910	0123456789
6	19118013	Nguyễn Tiểu Bảo	DH19CC	Bao		1,0	1,2	3,2	5,4	0012345678910	0123456789
7	19118016	Nguyễn Văn Ca	DH19CC	Ca		1,0	1,2	3,9	6,1	0012345678910	0123456789
8	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC	Can		1,0	1,5	3,2	5,7	0012345678910	0123456789
9	19118018	Lê Minh Cảnh	DH19CC	Can		1,0	1,8	2,5	5,3	0012345678910	0123456789
10	19118020	Nguyễn Đoàn Công Chiến	DH19CC	Chien		1,0	1,8	5,6	8,4	0012345678910	0123456789
11	19118024	Đậu Thành Công	DH19CC	Con		1,0	1,2	1,4	4,1	0012345678910	0123456789
12	19118043	Huỳnh Quốc Dũng	DH19CC	Dung		1,0	1,2	4,6	7,5	0012345678910	0123456789
13	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC	Dung		1,0	1,2	6,0	8,7	0012345678910	0123456789
14	19118046	Nguyễn Văn Dương	DH19CC		✓					0012345678910	0123456789
15	19118032	Trần Tiến Đạo	DH19CC	Dao		1,0	1,5	3,2	5,7	0012345678910	0123456789
16	19118033	Lê Tiến Đạt	DH19CC	Dat		1,0	1,8	3,5	6,2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03527

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118035	Nguyễn Mai Quốc Đạt	DH19CC			1,0	1,8	3,5	6,3	0012345678910	0123456789
18	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC			1,0	0,0	2,1	3,1	0012345678910	0123456789
19	19118039	Bùi Ngọc Diệp	DH19CC			1,0	1,6	3,2	5,8	0012345678910	0123456789
20	19118041	K'	DH19CC			1,0	1,2	0,7	2,9	0012345678910	0123456789
21	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			1,0	1,8	6,7	9,5	0012345678910	0123456789
22	19118057	Huỳnh Gia Hào	DH19CC			1,0	1,6	4,2	6,8	0012345678910	0123456789
23	19118059	Nguyễn Chí Hào	DH19CC			1,0	1,6	2,8	5,4	0012345678910	0123456789
24	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			1,0	1,6	3,8	6,5	0012345678910	0123456789
25	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC			1,0	1,7	4,6	7,3	0012345678910	0123456789
26	19118079	Trần Lê Phúc Hội	DH19CC			1,0	1,6	6,3	8,9	0012345678910	0123456789
27	19118094	Nguyễn Nam Huy	DH19CC			1,0	1,2	4,2	6,4	0012345678910	0123456789
28	19118082	Nguyễn Cao Hưng	DH19CC			1,0	1,6	0,7	3,3	0012345678910	0123456789
29	19118101	Lê Duy Kha	DH19CC			1,0	1,8	3,9	6,6	0012345678910	0123456789
30	19118102	Nguyễn Văn Khả	DH19CC			1,0	1,7	6,7	9,4	0012345678910	0123456789
31	19118104	Nguyễn Chí Khải	DH19CC			1,0	1,6	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
32	17118046	Trần Khải	DH17CK			1,0	2,0	5,6	8,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03527

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 001_DH19CC_01

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

HD203

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118105	Lý Nhất Khang	DH19CC			1,0	1,8	6,7	9,4	0012345678910	0123456789
34	19118107	Phạm Vĩnh Khang	DH19CC			1,0	1,8	1,8	4,5	0012345678910	0123456789
35	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			1,8	1,2	4,2	6,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 5/7 Số sinh viên vắng 0/1

Ngày 14 Tháng 8 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Vũ Huy Thiệp

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Trần Văn Tuấn



Mã nhận dạng 03528

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 002_DH19CC_01

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 4%	Đ2 2%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118110	Lâm Hào Khôn	DH19CC			1,0	1,6	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
2	19118115	Phù Thiết Kì	DH19CC		✓					0012345678910	0123456789
3	19118116	Lâm Văn La	DH19CC			1,0	1,2	0,7	2,9	0012345678910	0123456789
4	19118117	Nguyễn Trường Lâm	DH19CC			1,0	1,2	1,8	4,0	0012345678910	0123456789
5	19118122	Đinh Kỳ Linh	DH19CC			1,0	1,2	3,2	5,9	0012345678910	0123456789
6	19118131	Lê Hoàng Long	DH19CC			1,0	1,2	5,6	8,3	0012345678910	0123456789
7	18118074	Nguyễn Phi Long	DH18CK			1,0	1,6	1,4	4,0	0012345678910	0123456789
8	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC			1,0	1,2	4,2	6,9	0012345678910	0123456789
9	19118134	Lý Kim Luận	DH19CC			1,0	1,2	2,8	5,0	0012345678910	0123456789
10	19118135	Trần Hữu Luận	DH19CC			1,0	1,6	3,9	6,5	0012345678910	0123456789
11	19118140	Nguyễn Hoàng Mạnh	DH19CC			1,0	1,6	5,2	7,9	0012345678910	0123456789
12	19118139	Đinh Minh Mẫn	DH19CC			1,0	1,2	3,5	5,7	0012345678910	0123456789
13	19118150	Nguyễn Hoài Nam	DH19CC			1,0	1,2	3,2	5,5	0012345678910	0123456789
14	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC			1,0	1,2	3,9	5,4	0012345678910	0123456789
15	19118154	Phạm Minh Nghĩa	DH19CC			1,0	1,6	2,4	4,8	0012345678910	0123456789
16	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC			1,0	1,2	2,1	4,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03528

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 002_DH19CC_01

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV102

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118161	Lê Dương Thiện Nhân	DH19CC		✓					0012345678910	0123456789
18	19118162	Nguyễn Duy Trọng	DH19CC		✓					0012345678910	0123456789
19	19118164	Trần Thanh	DH19CC	Thao		1,0	1,6	5,6	8,2	0012345678910	0123456789
20	19118170	Nguyễn Hoàng	DH19CC	Thích		1,0	1,8	1,4	2,2	0012345678910	0123456789
21	18118103	Nguyễn Thuận	DH18CK	Thao		1,0	1,6	0,7	3,3	0012345678910	0123456789
22	19118173	Bùi Trung	DH19CC	Thao		1,0	1,2	1,1	3,3	0012345678910	0123456789
23	19118177	Nguyễn Trường	DH19CC	Thao		1,0	1,2	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
24	19118179	Nguyễn Lê	DH19CC	Thao		1,0	1,6	3,5	6,1	0012345678910	0123456789
25	18118109	Nguyễn Huỳnh	DH18CK	Thao		1,0	1,6	1,8	4,4	0012345678910	0123456789
26	19118182	Lê Đình	DH19CC	Phước		1,0	1,2	2,5	4,2	0012345678910	0123456789
27	19118188	Bùi Nguyễn	DH19CC	Thao		1,0	1,6	6,3	8,9	0012345678910	0123456789
28	19118185	Nguyễn Hoàng	DH19CC	Thao		1,0	1,6	2,1	4,7	0012345678910	0123456789
29	19118186	Nguyễn Ngọc	DH19CC	Quân		1,0	1,8	1,1	3,3	0012345678910	0123456789
30	19118195	Phạm Thành	DH19CC	Thao		1,0	1,2	2,1	4,3	0012345678910	0123456789
31	14137064	Lê Nguyễn Minh	DH14NL	Thao		1,0	1,2	2,5	5,2	0012345678910	0123456789
32	19118201	Nguyễn Tuấn	DH19CC	Tài		1,0	1,2	5,6	7,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03528

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 002_DH19CC_01

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118202	Nguyễn Minh Tâm	DH19CC		V					0012345678910	0123456789
34	19118204	Phùng Quốc Tấn	DH19CC			1,0	1,2	3,5	6,1	0012345678910	0123456789
35	19118213	Đặng Hồng Thanh	DH19CC			1,0	1,8	3,5	6,3	0012345678910	0123456789
36	19118215	Trần Ngọc Thanh	DH19CC			1,0	1,6	4,9	7,5	0012345678910	0123456789
37	19118209	Nguyễn Thanh Thắng	DH19CC			1,0	1,2	2,8	5,0	0012345678910	0123456789
38	19118211	Trần Danh Thắng	DH19CC			1,0	1,4	3,2	5,6	0012345678910	0123456789
39	19118224	Lâm Thanh Thiện	DH19CC			1,0	1,4	2,1	4,5	0012345678910	0123456789
40	19118230	Nguyễn Thị Anh Thư	DH19CC			1,0	1,6	5,6	8,2	0012345678910	0123456789
41	19118235	Trần Thành Tiên	DH19CC			1,0	1,6	5,6	8,9	0012345678910	0123456789
42	19118236	Phạm Vũ Nhật Tiến	DH19CC			1,0	1,6	5,6	8,2	0012345678910	0123456789
43	19118238	Trần Minh Tiến	DH19CC			1,0	1,8	2,5	5,2	0012345678910	0123456789
44	19118243	Nguyễn Tấn Tịnh	DH19CC			1,0	1,8	4,2	6,9	0012345678910	0123456789
45	19118244	Nguyễn Phúc Toại	DH19CC			1,0	1,8	6,0	8,8	0012345678910	0123456789
46	19118247	Trương Hữu Toàn	DH19CC		V					0012345678910	0123456789
47	19118245	Nguyễn Văn Toán	DH19CC			1,0	1,6	4,6	7,2	0012345678910	0123456789
48	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL			1,0	1,6	3,0	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03528

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CC_01

Tổ Thi 002_DH19CC_01

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV102

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi 70	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118254	Huỳnh Như Trọng	DH19CC			1,0	1,2	5,3	7,5	0012345678910	0123456789
50	18118164	Lê Minh	DH18CC			1,0	1,2	4,5	7,1	0012345678910	0123456789
51	19118258	Vũ Đình	DH19CC			1,0	1,6	4,2	6,8	0012345678910	0123456789
52	19118260	Nguyễn Nhật	DH19CC			1,0	1,6	4,2	6,8	0012345678910	0123456789
53	19118262	Thái Văn	DH19CC			1,0	1,6	6,7	9,3	0012345678910	0123456789
54	19118263	Võ Văn	DH19CC			1,0	1,4	4,2	6,6	0012345678910	0123456789
55	19118279	Bùi Bá	DH19CC			1,0	1,6	2,5	5,1	0012345678910	0123456789
56	19118280	Nguyễn Hoàng	DH19CC			1,0	1,6	4,6	7,2	0012345678910	0123456789
57	19118284	Lâm Tuấn	DH19CC			1,0	1,6	1,4	4,0	0012345678910	0123456789
58	19118285	Phạm Huỳnh Phúc	DH19CC			1,0	1,6	3,5	6,1	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 53 Số sinh viên vắng 5

Ngày 4/ Tháng 8 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Lam
Ngày in : 06/06/2022

Phạm Trọng Nghĩa

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Trần Văn Tuấn



Mã nhận dạng 03529

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_03

Tổ Thi 001_DH19CK_03

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 1%	Đ2 2%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118006	Nguyễn Thành Bång	DH19CK			1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
2	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK			1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
3	19118010	Lê Thái Thiên Bảo	DH19CK			1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
4	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK			1,0	1,4	4,9	7,3	0012345678910	0123456789
5	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK			1,0	1,4	2,1	4,5	0012345678910	0123456789
6	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK			1,0	1,8	3,9	6,7	0012345678910	0123456789
7	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK			1,0	1,0	4,2	6,2	0012345678910	0123456789
8	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK			1,0	1,4	3,2	5,6	0012345678910	0123456789
9	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK			1,0	1,4	3,9	6,3	0012345678910	0123456789
10	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC			1,0	2,0	4,6	7,6	0012345678910	0123456789
11	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC		✓					0012345678910	0123456789
12	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK			1,0	1,4	4,6	7,0	0012345678910	0123456789
13	19118029	Nguyễn Hữu Đăng	DH19CK			1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
14	19118034	Nguyễn Công Đạt	DH19CK		✓					0012345678910	0123456789
15	19118040	Lê Văn Đỗ	DH19CK			1,0	1,2	6,3	8,5	0012345678910	0123456789
16	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK			1,0	1,0	3,2	5,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03529

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_03

Tổ Thi 001_DH19CK_03

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV103

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118064	Ngô Thành Hiệp	DH19CK		✓					0012345678910	0123456789
18	19118072	Lăng Ngọc	DH19CK			1,0	1,4	1,8	4,2	0012345678910	0123456789
19	19118076	Nguyễn Việt	DH19CK			1,0	1,6	1,8	4,4	0012345678910	0123456789
20	19118085	Đặng Minh	DH19CC			1,0	1,5	4,2	6,7	0012345678910	0123456789
21	19118088	Hà Quang	DH19CK			1,0	1,2	2,8	5,0	0012345678910	0123456789
22	19118093	Nguyễn Minh	DH19CK			1,0	1,2	4,9	7,1	0012345678910	0123456789
23	19118081	Ngô Trung	DH19CK			1,0	1,4	5,3	7,7	0012345678910	0123456789
24	19118083	Nguyễn Duy	DH19CK			1,0	1,2	4,6	6,8	0012345678910	0123456789
25	19118111	Đặng Hoàng	DH19CK			1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
26	19118112	Ngô Tấn	DH19CK			1,0	1,2	4,2	6,4	0012345678910	0123456789
27	19118113	Nguyễn Duy	DH19CK			1,0	1,4	4,6	7,0	0012345678910	0123456789
28	19118118	Nguyễn Tùng	DH19CK			1,0	1,4	6,3	8,7	0012345678910	0123456789
29	19118121	Nguyễn Cảnh	DH19CK			1,0	1,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
30	19118123	Nguyễn Như	DH19CK		✓					0012345678910	0123456789
31	18153042	Lưu Hoàng	DH18CD			1,0	1,2	3,9	6,1	0012345678910	0123456789
32	19118127	Nguyễn Bình	DH19CK			1,0	1,4	2,8	5,2	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03529

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_03

Tổ Thi 001_DH19CK_03

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV103

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118128	Trần Thanh	Lộc	<i>loc</i>		1,0	1,5	4,6	7,1	0012345678910	0123456789
34	19118129	Nguyễn Bá	Lợi	<i>loi</i>		1,0	1,2	6,3	8,5	0012345678910	0123456789
35	19118137	Bùi Duy	Lũy	<i>Luy</i>		1,0	1,4	2,8	5,2	0012345678910	0123456789
36	18118081	Tạ Văn	Mạnh	<i>Manh</i>		1,0	1,4	3,9	6,3	0012345678910	0123456789
37	19118142	Đặng Nguyễn Nhật	Minh		✓					0012345678910	0123456789
38	19118143	Lê Công	Minh	<i>lich</i>		1,0	1,0	2,1	4,1	0012345678910	0123456789
39	19118144	Lê Trần Nhật	Minh	<i>pm</i>		1,0	1,4	3,5	4,9	0012345678910	0123456789
40	19118147	Hoàng Phương	Nam	<i>pv</i>		1,0	1,4	2,8	5,2	0012345678910	0123456789
41	19118148	Huỳnh Hoài	Nam	<i>hu</i>		1,0	1,5	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
42	19118149	Lâm Nhật	Nam	<i>lv</i>		1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
43	19118151	Trần Duy Nhật	Nam	<i>tham</i>		1,0	1,2	1,4	3,6	0012345678910	0123456789
44	19118167	Phạm Thế	Nhật	<i>nt</i>		1,0	1,8	5,6	8,4	0012345678910	0123456789
45	19118168	Thân Văn	Nhớ	<i>pt</i>		1,0	1,4	2,8	5,2	0012345678910	0123456789
46	19118171	Trần Trường	Phát	<i>tt</i>		1,0	1,4	1,8	4,2	0012345678910	0123456789
47	19118183	Phạm Công	Phương	<i>pc</i>		1,0	1,4	1,4	3,8	0012345678910	0123456789
48	19118184	Phạm Minh	Phương	<i>pm</i>		1,0	1,6	4,9	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03529

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_03

Tổ Thi 001_DH19CK_03

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thử	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK			1,0	1,0	0,7	2,7	0012345678910	0123456789
50	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK			1,0	1,2	1,1	3,3	0012345678910	0123456789
51	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK			1,0	1,8	7,0	9,8	0012345678910	0123456789
52	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK			1,0	1,2	5,6	7,8	0012345678910	0123456789
53	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
54	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			1,0	1,4	1,4	3,8	0012345678910	0123456789
55	19118212	Trần Quốc Thắng	DH19CK			1,0	1,4	2,1	4,5	0012345678910	0123456789
56	19118222	Nguyễn Trần Xuân Thiên	DH19CK			1,0	0,0	0,0	1,7	0012345678910	0123456789
57	19118232	Ngô Kế Minh Thuận	DH19CK			1,0	1,0	2,5	4,5	0012345678910	0123456789
58	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK			1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
59	19118242	Phan Đặng Hoài Tinh	DH19CK			1,0	1,2	2,8	5,0	0012345678910	0123456789
60	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK			1,0	1,6	5,3	7,9	0012345678910	0123456789
61	19118257	Trương Minh Trung	DH19CK			1,0	1,8	2,1	4,9	0012345678910	0123456789
62	19118259	Nguyễn Đức Trường	DH19CK			1,0	1,8	5,3	8,1	0012345678910	0123456789
63	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK			1,0	1,4	2,8	5,2	0012345678910	0123456789
64	19118271	Phạm Bá Tường	DH19CK			1,0	1,4	0,7	3,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03529

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_03

Tổ Thi 001_DH19CK_03

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV103

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	19118272	Nguyễn Quốc	Vĩ			1,0	1,4	3,2	5,6	0012345678910	0123456789
66	19118274	Tăng Quốc	Việt			1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
67	19118276	Phạm Thái Bảo	Vinh			1,0	1,4	2,8	5,2	0012345678910	0123456789
68	19118282	Nguyễn Quốc	Vương			1,0	1,4	1,8	4,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 63 Số sinh viên vắng 5

Ngày 14 Tháng 8 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến



Mã nhận dạng 03530

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_04

Tổ Thi

001_DH19NL_04

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL	Anh	1	1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
2	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK	A	1	1,0	1,8	2,1	4,8	0012345678910	0123456789
3	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL	Bao	1	1,0	1,0	3,2	5,2	0012345678910	0123456789
4	17118011	Nguyễn Hữu Huy Bình	DH17CC	BH	1	1,0	1,0	5,6	7,6	0012345678910	0123456789
5	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL	Chi	1	0,9	1,4	4,9	7,2	0012345678910	0123456789
6	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL	Chi	1	1,0	1,6	3,5	6,1	0012345678910	0123456789
7	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL	Cg	1	1,0	1,6	4,9	7,5	0012345678910	0123456789
8	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL	Cu	1	1,0	1,4	6,0	8,4	0012345678910	0123456789
9	19118049	Huỳnh Khánh Duy	DH19CC	Du	1	1,0	1,4	1,8	4,2	0012345678910	0123456789
10	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC	Du	1	1,0	1,2	2,5	4,7	0012345678910	0123456789
11	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC	Du	1	0,8	1,5	2,5	4,8	0012345678910	0123456789
12	19137012	Nguyễn Văn Đám	DH19NL	Da	1	1,0	1,6	3,5	6,1	0012345678910	0123456789
13	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL	Da	1	1,0	1,4	5,6	8,0	0012345678910	0123456789
14	19118037	Phạm Thế Đạt	DH19CC	Da	1	0,9	1,5	2,8	5,2	0012345678910	0123456789
15	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL	Da	1	1,0	1,2	2,1	4,3	0012345678910	0123456789
16	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL	Ha	1	1,0	1,0	1,8	3,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03530

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_04

Tổ Thi 001_DH19NL_04

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi

TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 1%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL		1	1,0	1,6	4,2	6,8	0012345678910	0123456789
18	19118087	Đỗ Quốc Huy	DH19CC		1	1,0	1,2	2,1	4,3	0012345678910	0123456789
19	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL		1	1,0	1,3	5,3	7,6	0012345678910	0123456789
20	19137027	Nguyễn Trần Gia Huy	DH19NL		1	1,0	1,6	3,5	6,1	0012345678910	0123456789
21	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL		1	1,0	1,6	5,3	7,9	0012345678910	0123456789
22	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL		1	1,0	1,2	2,8	5,0	0012345678910	0123456789
23	19118084	Trần Trọng Hữu	DH19CC		1	1,0	1,0	4,6	6,6	0012345678910	0123456789
24	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL		1	0,8	1,6	4,2	5,6	0012345678910	0123456789
25	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL		1	1,0	1,4	2,1	4,5	0012345678910	0123456789
26	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC		1	1,0	2,0	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
27	18118077	Thét Chú Long	DH18CC		1	1,0	0,8	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
28	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL		1	0,9	0,8	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
29	19118133	Trần Hữu Khánh Luân	DH19CC		1	1,0	1,6	6,6	8,9	0012345678910	0123456789
30	19137042	Bùi Thị Yến Mi	DH19NL		1	1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
31	19153043	Lê Tấn Thương Minh	DH19CD		1	1,0	0,8	4,4	3,9	0012345678910	0123456789
32	19118145	Nguyễn Văn Minh	DH19CC		1	1,0	1,0	5,3	7,3	0012345678910	0123456789

Mã nhận dạng 03530

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_04

Tổ Thi 001_DH19NL_04

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	19118146	Thạch Minh	DH19CC		1	1,0	1,2	5,3	7,5	0012345678910	0123456789
34	19137043	Phạm Nhật	DH19NL		1	1,0	0,8	5,6	7,4	0012345678910	0123456789
35	19137044	Nguyễn Hoàng	DH19NL		1	0,8	1,2	4,2	6,2	0012345678910	0123456789
36	19137048	Hoàng Công	DH19NL		1	1,0	1,4	2,8	5,2	0012345678910	0123456789
37	18118100	Dương Thị Tuyết	DH18CC		1	1,0	1,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
38	19118178	Phạm Hoàng	DH19CC		✓					0012345678910	0123456789
39	19153058	Cao Thành	DH19CD		1	1,0	0,10	1,4	2,4	0012345678910	0123456789
40	19137052	Hoàng Ngọc Nhật	DH19NL		2	1,0	1,4	3,2	5,6	0012345678910	0123456789
41	18137036	Nguyễn Đình Anh	DH18NL		1	1,0	1,6	4,9	7,5	0012345678910	0123456789
42	19137054	Huỳnh Thị Ngọc	DH19NL		2	1,0	1,8	5,6	8,4	0012345678910	0123456789
43	19137055	Nguyễn Thị Yên	DH19NL		1	1,0	1,2	0,7	2,9	0012345678910	0123456789
44	19137056	Trần Nguyễn	DH19NL		1	1,0	1,4	4,6	7,0	0012345678910	0123456789
45	19137057	Thái Đức	DH19NL		1	1,0	1,6	1,8	3,8	0012345678910	0123456789
46	19137060	Hoàng Nhân	DH19NL		1	0,9	1,4	4,6	6,9	0012345678910	0123456789
47	19137059	Hồ Anh	DH19NL		1	1,0	1,6	2,2	6,8	0012345678910	0123456789
48	19137061	Lương Ngọc	DH19NL		1	1,0	1,6	5,6	8,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03530

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_04

Tổ Thi 001_DH19NL_04

Tên CBGD Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi 09:45

Phòng Thi TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 16%	Đ2 2%	Điểm thi 72	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL	Tân	1	1,0	1,6	6,6	8,6	0012345678910	0123456789
50	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC	Thái	1	1,0	1,0	3,5	5,5	0012345678910	0123456789
51	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL	Thanh	1	1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
52	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL	Thành	2	0,8	1,0	3,5	5,2	0012345678910	0123456789
53	19137069	Nguyễn Công Thành	DH19NL	Thành	2	1,0	1,0	6,0	8,0	0012345678910	0123456789
54	19137070	Nguyễn Quốc Thành	DH19NL	Thành	1	1,0	1,2	1,4	3,6	0012345678910	0123456789
55	16118143	Hà Văn Thắng	DH16CC	Thắng	1	1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
56	19137071	Bùi Quang Thoại	DH19NL	Thoại	1	1,0	1,6	3,2	5,8	0012345678910	0123456789
57	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK	Thu	2	1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
58	19118233	Nguyễn Nam Thuận	DH19CC	Thuận	1	1,0	0,8	1,1	2,9	0012345678910	0123456789
59	18118152	Dương Minh Tiến	DH18CC	Tiến	1	1,0	1,2	3,5	5,7	0012345678910	0123456789
60	19118251	Trần Thị Thiên Trang	DH19CC	Trang	1	1,0	1,6	2,1	4,7	0012345678910	0123456789
61	19118250	Huỳnh Trần Bảo Trân	DH19CC	Trân	1	1,0	1,4	2,1	4,5	0012345678910	0123456789
62	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL	Trung	1	1,0	0,8	2,8	4,6	0012345678910	0123456789
63	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC	Trung	1	0,9	1,4	5,3	7,6	0012345678910	0123456789
64	18137046	Phan Khánh Trung	DH18NL	Trung	1	1,0	1,4	3,9	6,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03530

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn Thi PP bố trí thí nghiệm & XLSL(207221)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19NL_04

Tổ Thi

001_DH19NL_04

Tên CBGD

Trần Văn Tuấn

Ngày Thi 08/07/2022

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV101

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thấp	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18153078	Tô Trung Trục	DH18CD		1	1,0	0,8	5,3	7,1	0012345678910	0123456789
66	18137047	Hồ Nguyễn Phi	DH18NL		1	0,8	1,0	6,3	8,1	0012345678910	0123456789
67	19137079	Huỳnh Quốc Tuấn	DH19NL		1	1,0	2,0	6,3	9,3	0012345678910	0123456789
68	19118269	Trần Nguyễn Đức	DH19CC		1	1,0	1,4	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
69	18153082	Hà Minh Tùng	DH18CD		1	1,0	1,4	3,9	6,3	0012345678910	0123456789
70	18118181	Vũ Ngọc Tuyên	DH18CK		1	1,0	1,6	2,8	5,4	0012345678910	0123456789
71	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL		1	0,8	1,0	2,8	4,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 10 Số sinh viên vắng 01...

Ngày 14 Tháng 8 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiệp

Nguyễn Nhật Long

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Trần Văn Tuấn

Ngày in : 06/06/2022